

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2022/DS-PT

Ngày: 16 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Ông Lê Hồng Nước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 202xx, đường L, khóm 1, phường j, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Ông Phan Văn Ph, sinh năm 1966;

Ông Phan Văn H, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phan Thị Th, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số uu, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phan Thị O, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Ngh, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 11, tổ o, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Cao Minh Tr – Văn phòng Luật sư Chí C và Luật sư Trần Văn Nh – Văn phòng Luật sư Tấn Nh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Bạch Kim Th, sinh năm 1967;

Địa chỉ: tổ p, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Ng .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Các nguyên đơn bà Phan Thị Ng, Phan Văn P, Phan Văn H, Phan Thị T, Phan Thị O trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị L chết năm 2012, cụ Phan Văn Á chết năm 2013 để lại diện tích 4.468m², loại đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa, bao gồm: các thửa 841, 844, 835, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp T, xã T do cụ Phan Văn Á đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một căn nhà cấp 4, mái tole, xây tường diện tích 72m². Cụ Á và cụ L có 06 người con, gồm: ông Phan Văn Ngh, bà Phan Thị Ng, bà Phan Thị , ông Phan Văn Ph, ông Phan Văn H, bà Phan Thị Th.

Vào năm 2009, cụ Phan Văn Á và cụ Nguyễn Thị L tặng cho quyền sử dụng đất cho các con gái:

- Bà Phan Thị Ng 1.100m² đất trồng cây lâu năm bà Ng chuyển nhượng thêm phần còn lại của cụ Á 600m² tổng diện tích 1700m² , thửa đất số 1751, tờ bản đồ số 02;

- Bà Phan Thị O 1.145m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 1752, tờ bản đồ số 02;

- Bà Phan Thị Th 1.145m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 1753, tờ bản đồ số 02.

Vào năm 2013, hộ cụ Phan Văn Á tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H thửa đất số 105, tờ bản đồ số 13, diện tích 5571m² đất trồng lúa.

Tất cả diện tích đất khi cha mẹ còn sống tặng cho các con, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Đối với ông Ngh cũng đã được quyền sử dụng đất diện tích 5.000m², có nguồn gốc từ cụ Phan Văn Ng để lại cho cha ông Ngh là cụ Á và cụ Á để lại cho ông Ngh sử dụng, tự kê khai và đứng tên quyền sử dụng đất. Riêng diện tích đất của 03 thửa (841, 844, 835) cụ Á chưa chia và còn

đang đứng tên.

Khi các anh, chị, em bàn chia phần đất cụ Á còn đang đứng tên thì ông Ngh không đồng ý, cho rằng trước khi chết cụ Á có tờ chúc ngôn để lại diện tích đất của 03 thửa cho ông Ngh nên dẫn đến tranh chấp. Tuy nhiên, tờ chúc ngôn không hợp pháp nên các nguyên đơn yêu cầu chia diện tích đất của cụ Á theo pháp luật, cụ thể:

Bà Ng yêu cầu được thừa kế diện tích 921m² (theo đo đạc các mốc 1, 2, A, B mốc 1); Bà O yêu cầu được thừa kế diện tích 922m² (theo các mốc A, 3, 4, B mốc A theo trích đo đất tranh chấp ngày 19/9/2019); đất trồng lúa thuộc thửa đất số 835, tờ bản đồ số 02. Bà Ng, bà O không yêu cầu bù trừ giá trị tài sản chênh lệch mỗi người được hưởng.

Phần đất bà Ng, bà O yêu cầu được thừa kế hiện do bà Th quản lý và đã cho ông Lê Văn M thuê để trồng cỏ; bà Ng và bà O yêu cầu bà Th, ông M giao lại phần đất cho các bà.

Ông Ph yêu cầu được thừa kế diện tích 613m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 02, các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 15 và 1 theo trích đo đất tranh chấp ngày 28/12/2018. Ông Ph không yêu cầu bù trừ giá trị tài sản chênh lệch mỗi người được hưởng. Phần đất này hiện ông Ngh đang quản lý, ông Ph yêu cầu ông Ngh giao lại phần đất cho ông.

Ông H yêu cầu được thừa kế diện tích 707,2m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 02, các mốc 7, 8, 18, 17, 16, 14, 15 và 7 theo trích đo đất tranh chấp 28/12/2018. Ông H không yêu cầu bù trừ giá trị tài sản chênh lệch mỗi người được hưởng; phần đất này hiện ông H đang quản lý, sử dụng.

Bà Th yêu cầu được thừa kế diện tích 440,6m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 02, các mốc 13, 19, 11, 12 và 13 theo trích đo đất tranh chấp ngày 28/12/2018. Bà Th không yêu cầu bù trừ giá trị tài sản chênh lệch mỗi người được hưởng, phần đất này hiện bà Th đang quản lý, sử dụng.

Một phần thửa đất số 841, 844, tờ bản đồ số 02, diện tích 639,9m² các mốc 8, 9, 10, 11, 19, 13, 14, 16, 17, 18 và 8 theo trích đo đất tranh chấp ngày 28/12/2018 các nguyên đơn đồng ý giao cho ông Phan Văn Ngh thừa kế, phần đất này hiện ông Nghĩa đang quản lý.

Căn nhà thờ diện tích 72m² các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu chia thừa kế để lại giao cho ông H có nhiệm vụ quản lý và thờ cúng ông bà.

- Bị đơn ông Phan Văn Ngh trình bày:

Ông Ngh thống nhất theo lời trình bày của các nguyên đơn về nguồn gốc đất là của cụ Phan Văn Á và cụ Nguyễn Thị L. Nhưng các anh chị em ông đã được chia ruộng đất theo tờ tương phân ngày 28/9/1999 và sử dụng ổn định.

Cụ thể như sau: Ông Ph và ông H mỗi người được nhận 5000m² đất ruộng và

các bà Ng, bà O, bà Th mỗi người nhận 1.000m² đất trồng cây lâu năm. Ông Ngh cũng được nhận 5.000m² đất ruộng (cụ Phan Văn Ân thờ cúng cụ Phan Văn Ng) di sản cụ Phan Văn Ân để lại là 4.468m² đất bao gồm các thửa 841, 844, 835 cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T.

Nay các ông bà Ng, Th, O, Ph và H yêu cầu chia thừa kế ông Ngh không đồng ý. Tại tờ tương phân ngày 28/9/1999 có tất cả các anh chị em đồng ý ký tên và có người làm chứng, theo đó ông Ngh yêu cầu được công nhận các thửa đất số 841, 844, 835, tờ bản đồ số 02 thuộc về ông Ngh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bạch Kim Th trình bày:

Bà Bạch Kim Th là vợ của ông Ngh, thống nhất theo nội dung trình bày của ông Phan Văn Ngh và không có yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày:

Ông có thuê phần đất của bà Th đang quản lý để trồng cỏ, trường hợp người nào được nhận phần đất này thì ông đồng ý giao lại, không có yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 649, 650, 651, 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm a, Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Bà Phan Thị Ng được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Ân, diện tích 921m² đất trồng lúa thuộc một phần thửa đất số 835, tờ bản đồ số 2, theo các mốc 3, 4, 5, B, A và 3 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 19/9/2019.

3. Bà Phan Thị O được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Ân, diện tích 922m² đất trồng lúa thuộc một phần thửa đất số 835, tờ bản đồ số 2, theo các mốc 1, 2, A, B, 6 và 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 19/9/2019.

Buộc bà Phan Thị Th, ông Lê Văn M có nghĩa vụ giao lại cho bà Ng, bà O phần đất diện tích trên.

4. Ông Phan Văn Ph được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Ân, diện tích 613m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 2, các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 15 và 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

Buộc ông Phan Văn Ngh có nghĩa vụ giao lại cho ông Phước phần đất diện tích trên.

5. Ông Phan Văn H được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Ân,

diện tích 707,2m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 2, các mốc 7, 8, 18, 17, 16, 14, 15 và 7 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

Căn nhà thờ diện tích 72m² giao cho ông H có nhiệm vụ quản lý, sử dụng và thờ cúng ông bà.

6. Bà Phan Thị Th được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Â, diện tích 440,6m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 2, các mốc 13, 19, 11, 12 và 13 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

7. Ông Phan Văn Nghĩ được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Â, diện tích 639,9m², nằm trong phạm vi các mốc 8, 9, 10, 11, 19, 13, 14, 17, 18 và 8 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

(Có Trích đo hiện trạng đất tranh chấp các ngày 28/12/2018 và 19/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch, kèm theo.)

8. Các ông bà Phan Văn Ngh, Phan Thị Ng, Phan Văn Ph, Phan Thị Th, Phan Thị O và Phan Văn H được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Ng chịu 2.532.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11772 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 1.524.600 đồng.

- Bà Phan Thị O chịu 2.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11774 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 1.527.600 đồng.

- Bà Phan Thị Th chịu 1.762.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11775 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 754.600 đồng.

- Ông Phan Văn Ph chịu 2.452.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11776 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 1.444.600 đồng.

- Ông Phan Văn H chịu 2.828.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11777 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 1.820.600 đồng.

- Ông Phan Văn Ngh phải chịu 2.559.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về chi phí tố tụng khác: Các nguyên đơn liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá tổng cộng là 4.950.000 đồng (Các nguyên đơn đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Ngh kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Phan Văn Á và cụ Nguyễn Thị L để tài sản lại cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ngh, Luật sư Tr, Luật sư Nh, bà Th, bà Ng, Luật sư T, ông Ph, ông H, bà O, bà Th có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông Ng trình bày: ông Ngh giữ nguyên theo yêu cầu kháng cáo là tờ tương phân có hiệu lực nên toàn bộ hai thửa đất này là của ông. Do đó ông yêu cầu công nhận đất này cho ông Ngh.

- Luật sư Trí và Luật sư Nh phát biểu quan điểm: Tờ tương phân ông Ngh cung cấp không có đủ yếu tố để giám định. Tuy nhiên có sự thừa nhận của ông Tài, do đó cần phân chia theo di chúc là đúng. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm chia theo quy định pháp luật nhưng tạm giao căn nhà cho ông H là không đúng; vì căn nhà của cụ Á gắn liền với căn nhà ông Ngh là nhà hợp nhất. Do đó đề nghị giao căn nhà cho ông Ngh quản lý; nếu phân chia đất đề nghị các nguyên đơn trả giá trị đất lại cho ông Ngh.

- Luật sư T bảo vệ cho bà Ng trình bày: Tờ tương phân là không hợp pháp, Ông T xác nhận nhưng nội dung không rõ; không đúng trong tờ phân vân. Các anh em ra được của anh cụ Á, cụ L cho đất khi còn sống. Ông Ph tuy chưa đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đã sử dụng trên 30 năm. Về căn nhà thờ ông Ngh yêu cầu sử dụng nhưng căn nhà này là tài sản chung tập thể các anh em không yêu cầu chia thừa kế. Ông Ngh cũng có quyền chung nhưng ý kiến đa số anh em là để cho ông H quản lý sử dụng. Do đó đề nghị chấp nhận giao cho ông H sử dụng, quản lý căn nhà thờ.

- Bà Ng đồng ý với bản án sơ thẩm ý kiến của luật sư T.

- Bà Ng, bà Th, bà O và ông Ph, ông H ý kiến: Yêu cầu giữ nguyên bản sơ thẩm và các cây trồng là tài sản trên đất không yêu cầu giải quyết. Nếu ông Ngh có nhu cầu thì giao cho ông Nghĩa sử dụng, các nguyên đơn không trả giá trị cây trồng cho ông Ngh.

- Bà Th trình bày: Bà thống nhất theo ý kiến ông Ngh. Trong vụ án này bà không có tranh chấp, yêu cầu gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Ngh; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Thành phần những người tham gia tố tụng các đương sự thống nhất không có bổ sung, yêu cầu hay khiếu nại gì.

[2] Về nội dung vụ án tranh chấp giữa các đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm qua thu thập chứng cứ xét yêu cầu của các nguyên đơn bà Ng, ông Ph, ông H, bà Th, bà O yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Phan Văn Á, cụ Nguyễn Thị L các thửa đất 841, 844, 835 chia theo diện tích đo đạc thực tế trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018 và ngày 19/9/2019. Ông Ngh không đồng ý vì cho rằng tài sản là của cụ Phan Văn Á, lúc còn sống cụ Á lập tờ chúc ngôn ngày 28/9/1999 để lại đất cho ông Ngh thừa hưởng.

[2.1] Về hàng thừa kế các đương sự thống nhất: Cụ L (chết năm 2012), cụ Án (chết năm 2013) có 06 người con; ngoài ra không còn người thừa kế nào khác.

[2.2] Về di sản đất tranh chấp diện tích đất cụ Á đứng tên là 4.468m^2 ; đo đạc thực tế thửa 835 là 1.843m^2 ; thửa 841, 844 là $2.004,7\text{m}^2$; tổng cộng $3.847,7\text{m}^2$, trên đất có căn nhà.

Ông Ngh trình bày theo tờ tương phân (chúc ngôn) lập ngày 28/9/1999 được tất cả thành viên các con của cụ Á ký tên. Tuy nhiên, tờ chúc ngôn không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, các nguyên đơn không thừa nhận có ký vào tờ chúc ngôn. Không có ai yêu cầu giám định chữ ký, bị đơn ông Ngh trình bày người viết là ông Nguyễn Tấn T; nhưng ông T xác định chữ viết trên tờ chúc ngôn không phải của ông; ông có viết tờ chúc ngôn nhưng chỉ có mình ông và ông Á, ngoài ra không có ai khác ký tên vào tờ chúc ngôn.

Với những chứng cứ nêu trên, xác định tờ chúc ngôn do ông Ngh xuất trình không đủ cơ sở pháp lý, để công nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các nguyên đơn.

[2.3] Về vị trí phân đất yêu cầu: Bà Ng yêu cầu được thừa kế diện tích 921m^2 ; bà O yêu cầu được thừa kế diện tích 922m^2 đất trồng lúa cùng thuộc một phần thửa đất số 835.

Ông Ph yêu cầu được thừa kế diện tích 613m^2 ; ông H yêu cầu được thừa kế diện tích $707,2\text{m}^2$; Bà Th yêu cầu được thừa kế diện tích $440,6\text{m}^2$; đất trồng cây lâu năm mỗi người một phần thửa đất số 844 và 841.

Các nguyên đơn không yêu cầu bù trừ giá trị tài sản chênh lệch mỗi người được hưởng.

Một phần thửa đất số 841, 844, tờ bản đồ số 02, diện tích $639,9\text{m}^2$ giao cho ông Ngh thừa kế.

Căn nhà thờ diện tích 72m^2 các nguyên đơn, bị đơn thống nhất không yêu cầu chia thừa kế để lại làm nhà thờ cúng ông bà; giao cho ông H có nhiệm vụ quản lý và thờ cúng ông bà.

Đối với phần đất bà Ng, bà O yêu cầu được thừa kế hiện do bà Th quản lý và đã cho ông M thuê trồng cỏ, ông M cũng không có yêu cầu gì và đồng ý giao trả lại phần đất cho người được nhận nên không xem xét. Phần đất ông Ph yêu cầu được thừa kế hiện do ông Ngh quản lý. Ông H và bà Thảo hiện đang quản lý, sử dụng phần đất ông, bà yêu cầu chia thừa kế. Phần đất ông Ngh đang quản lý cũng là phần đất mà các đồng nguyên đơn đồng ý giao cho ông Ngh thừa kế. Như vậy, buộc những người đang quản lý, sử dụng phần đất không phải phân di sản mình được nhận, phải có nghĩa vụ giao lại cho người được thừa kế phần di sản đó.

Việc các đồng nguyên đơn yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế theo vị trí, diện tích các nguyên đơn xác định có sự chênh lệch về diện tích so với suất thừa kế họ được nhận, cụ thể có người nhận ít hơn và nhiều hơn. Tuy nhiên, những người nhận di sản thừa kế ít hơn không có yêu cầu những người nhận phần nhiều hơn bồi hoàn giá trị chênh lệch. Ông Ngh yêu cầu được nhận tất cả phần đất tranh chấp, nếu không thì ông không nhận phần di sản thừa kế của mình, cũng không có ý kiến về việc yêu cầu những người nhận phần nhiều hơn bồi hoàn giá trị chênh lệch. Do đó chấp nhận việc đề nghị chia về diện tích, vị trí như nêu trên và không xem xét việc bồi hoàn giá trị đất chênh lệch cho những người nhận di sản ít hơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M do không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm ông Ngh kháng cáo bản án. Xét kháng cáo ông Nghĩa thì ngoài những nhận định Tòa án cấp sơ thẩm nêu trên ra thì ông Ngh kháng cáo nội dung yêu cầu chấp nhận đất tranh chấp là của ông được cụ A tặng cho theo tờ tương phân. Tuy nhiên ông Ngh cũng không yêu cầu giám định tờ tương phân; ông Ngh cung cấp vi bằng của ông Phan Văn S, ông Phan Văn S là người có tên trong di chúc nhưng cho rằng bị đe dọa là không có căn cứ. Do ông Ngh không cung cấp chứng cứ gì thêm có giá trị pháp lý để được công nhận về việc được tặng cho, phân chia sở hữu phần đất tranh chấp như trình bày của mình.

Do đó việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chia đất các nguyên đơn và các đương sự không yêu cầu tính giá trị đất chênh lệch đất được phân chia, đồng ý căn nhà cụ A để lại không phân chia và giao cho anh H quản lý của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng quy định pháp luật; nên không chấp nhận kháng cáo của ông Ngh.

Đối với cây trồng, tài sản trên đất do các nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Tại cấp phúc thẩm, ông Ngh trình bày các cây trên đất do ông trồng. Theo văn bản ý kiến ngày 17/8/2022 của các nguyên đơn bà Ng, ông Ph, ông H, bà Th cũng như tại phiên tòa không tranh chấp về cây, tài sản (chuồng chăn nuôi heo của anh H trên đất anh H được phân chia, không có tranh chấp) trên đất; nếu ông Ngh yêu cầu các nguyên đơn đồng ý giao cây trên đất cho ông Ngh sử dụng (trừ 13 cây mai trước cửa nhà cụ A, trong phần đất giao cho anh H quản lý; thống nhất không tranh chấp trong vụ án này). Do đó đối với cây trồng trên đất các nguyên đơn không có yêu cầu tranh chấp chỉ yêu cầu giao đất; ông Ngh kháng cáo bổ sung yêu

cầu ngoài công nhận phần đất cho ông theo tờ tương phân và yêu cầu công nhận cây trồng cho ông. Xét yêu cầu này các nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu tranh chấp; tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét; nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông Ngh; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngh được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Văn Ngh.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Bà Phan Thị Ng được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn A, diện tích 921m² đất trồng lúa thuộc một phần thửa đất số 835, tờ bản đồ số 2, theo các mốc 3, 4, 5, B, A và 3 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 19/9/2019.

3. Bà Phan Thị O được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn A, diện tích 922m² đất trồng lúa thuộc một phần thửa đất số 835, tờ bản đồ số 2, theo các mốc 1, 2, A, B, 6 và 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 19/9/2019.

Buộc bà Phan Thị Th, ông Lê Văn M có nghĩa vụ giao lại cho bà Phan Thị Ng, bà Phan Thị O phần đất diện tích trên.

4. Ông Phan Văn Ph được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn A, diện tích 613m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 2, các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 15 và 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

Buộc ông Phan Văn Ngh có nghĩa vụ giao lại cho ông Ph phần đất diện tích

trên.

5. Ông Phan Văn H được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Â, diện tích 707,2m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 2, các mốc 7, 8, 18, 17, 16, 14, 15 và 7 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

Căn nhà thờ diện tích 72m² giao cho ông H có nhiệm vụ quản lý, sử dụng và thờ cúng ông bà.

6. Bà Phan Thị Th được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Â, diện tích 440,6m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 844 và 841, tờ bản đồ số 2, các mốc 13, 19, 11, 12 và 13 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

7. Ông Phan Văn Ngh được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn Â, diện tích 639,9m², nằm trong phạm vi các mốc 8, 9, 10, 11, 19, 13, 14, 17, 18 và 8 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/12/2018.

(Có Trích đo hiện trạng đất tranh chấp các ngày 28/12/2018 và 19/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, kèm theo.)

8. Các ông bà Phan Văn Ngh, Phan Thị Ng, Phan Văn Ph, Phan Thị Th, Phan Thị O và Phan Văn H được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Về án phí, chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Ng chịu 2.532.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11772 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 1.524.600 đồng.

- Bà Phan Thị O chịu 2.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11774 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, sau khi trừ án phí, bà Nga phải nộp tiếp 1.527.600 đồng.

- Bà Phan Thị Th chịu 1.762.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11775 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 754.600 đồng.

- Ông Phan Văn Ph chịu 2.452.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11776 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 1.444.600 đồng.

- Ông Phan Văn H chịu 2.828.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 1.007.400 đồng ngày 10-11-2016 theo biên lai số 11777 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, sau khi trừ án phí, bà Ng phải nộp tiếp 1.820.600 đồng.

- Ông Phan Văn Ngh phải chịu 2.559.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá tổng cộng là 4.950.000 đồng (Các nguyên đơn đã nộp xong).

10. Án phí, chi phí dân sự phúc thẩm:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ngh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007156 ngày 11/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Ngh không phải nộp thêm.

- Chi phí tố tụng phúc thẩm: Ông Ngh phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá tổng cộng là 3.500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh đồng Tháp;
- Tòa án huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng KTNV&THA Tỉnh
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(đã ký)

Đinh Chí Tâm